

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Bản án số: 01 /2019/ HNGĐ - ST

Ngày 15-3-2019

V/v: “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Ái;

- Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Hữu Hưng;

2- Ông Nguyễn Văn Cường;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng- Cán bộ Tòa án.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thuý Linh – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2018 về việc “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2018 /QĐST-HNGĐ, ngày 04/3/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Vũ Kim Th - sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* anh Đào Đức T - sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Mạnh T1 – Phó giám đốc Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

- Ông Đào Nhất T2, sinh năm 1951 và bà Trịnh Thị H, Sinh năm 1952

Địa chỉ: Khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

- Ông Trịnh Xuân T3

Địa chỉ: Khu 7, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, chị Vũ Kim Th trình bày: chị và anh Đào Đức T kết hôn ngày 07/11/2005. Đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng hay bất đồng quan điểm sống về cách sống, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên đánh đập chị gây ảnh hưởng đến tinh thần, mâu thuẫn kéo dài từ đó, tình cảm vợ chồng dần nứt không thể hàn gắn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là: Đào Thị Thanh H2, sinh ngày 20/11/2006 và cháu Đào Hồng Anh, sinh ngày 07/02/2014. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đào Hồng Anh. Chị đề nghị anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: chị Th và anh T có tài sản chung là 01 ngôi nhà 2 tầng, 01 quán bán hàng xây dựng trên diện tích đất 541m², Thửa đất số 217, tờ bản đồ số 01. Địa chỉ ở khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Tam Nông cấp giấy CNQSD đất đứng tên 02 vợ chồng chị và các tài sản trong gia đình gồm 01 Tivi Sony, 01 xe máy wave BKS 19N11-14682. Đã được Hội đồng định giá tiến hành thẩm định và định giá ngày 26 tháng 12 năm 2018 có giá trị là 411.140.900đ (Bốn trăm mười một nghìn, một trăm bốn mươi nghìn, chín trăm đồng). Khi ly hôn chị đề nghị nếu anh T lấy toàn bộ số tài sản trên thì phải thanh toán cho chị số tiền 205.000.000đ (Hai trăm linh năm triệu đồng) và ngược lại nếu chị lấy toàn bộ số tài sản trên thì chị sẽ thanh toán cho anh T số tiền 205.000.000đ (Hai trăm linh năm triệu đồng).

- Về nợ chung:

- + Vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

+ Vay ông Đào Nhất T2 và bà Trịnh Thị H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Vay ông Trịnh Xuân T3 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)

Khi ly hôn chị đề nghị anh T lấy tài sản chung thì phải có trách nhiệm lại toàn bộ khoản nợ trên.

- Về công sức: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

• Phía bị đơn anh Đào Đức T trình bày: anh và chị Th kết hôn năm 2005. Đăng ký kết hôn ngày 07/11/2005 tại UBND xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu nhau không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh tại khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 mâu thuẫn gay gắt do chị Th có quan hệ bất chính bên ngoài. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh và chị Th có 02 con chung là: Đào Thị Thanh H2, sinh ngày 20/11/2006 và cháu Đào Hồng Anh, sinh ngày 07/02/2014. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đào Hồng Anh. Anh T tự nguyện không đề nghị chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: anh T và chị Th có tài sản chung là 01 ngôi nhà 2 tầng, 01 quán bán hàng xây trên diện tích đất 541m², Thửa đất số 217, tờ bản đồ số 01. Địa chỉ ở khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Tam Nông cấp giấy CNQSD đất đứng tên 02 vợ chồng chị và các tài sản trong gia đình gồm 01 Tivi Sony, 01 xe máy wave BKS 19N11-14682. Đã được Hội đồng định giá tiến hành thẩm định và định giá ngày 26 tháng 12 năm 2018 có giá trị là 411.140.900đ (Bốn trăm mười một nghìn, một trăm bốn mươi nghìn, chín trăm đồng). Khi ly hôn anh đề nghị được sở hữu toàn bộ tài sản trên và sẽ có trách nhiệm thanh toán trên lịch cho chị số tiền 134.000.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu đồng).

• Về nợ chung:

+ Vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

+ Vay ông Đào Nhất T2 và bà Trịnh Thị H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Vay ông Trịnh Xuân T3 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)

Khi ly hôn anh đề nghị anh và chị Th mỗi người phải có trách nhiệm trả 01 nửa tổng số khoản nợ trên.

• Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

1. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Mạnh T1 – Phó giám đốc Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ trình bày: Hộ gia đình ông Đào Đức T và vợ Vũ Kim Th ở khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ vay vốn chương trình Nước sạch vệ sinh môi T3 tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện Tam Nông. Đến nay, tổng số tiền gốc là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng); Tiền lãi là: 0 đồng. Ngân hàng đề nghị trước khi ly hôn ông T và bà Th trả hết nợ, T3 hợp không trả hết nợ trước khi ly hôn thì đề nghị ai là người được sở hữu và sử dụng tài sản thì phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Do điều kiện, công việc nên Ngân hàng xin được vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và khi xét xử vụ án.

2. Ông Đào Nhất T2, bà Trịnh Thị H (là vợ ông T2) ủy quyền cho ông T2 trình bày: Vợ chồng có cho vợ chồng anh T chị Th vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để mua sắm và kinh doanh. Nay anh T và chị Th ly hôn tôi đề nghị anh chị phải có trách nhiệm trả lại cho tôi số tiền trên. Tại phiên tòa hôm nay ông T2, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Trịnh Văn T3 trình bày: Tôi có cho vợ chồng anh T chị Th vay số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Nay anh T và chị Th ly hôn tôi đề nghị anh chị phải có trách nhiệm trả lại cho tôi số tiền trên. Tại phiên tòa hôm nay ông T3 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng : Quan hệ trong vụ án này là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Vũ Kim Th và bị đơn là anh Đào Đức T đều có hộ khẩu ở khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Ngân hàng CSXH Việt Nam - Người đại diện theo

ủy quyền: ông Nguyễn Mạnh T1 – Phó giám đốc Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, ông Đào Nhất T2, bà Trịnh Thị H và ông Trịnh Xuân T3 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiền hành xét xử vụ án vắng mặt Ngân hàng, ông T2, bà H ông T3

- Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Có đăng ký kết hôn năm 2005. Đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng hay bất đồng quan điểm sống về cách sống, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng dần nứt không thể hàn gắn, Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Th xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: chị Th và anh T có 02 con chung là: Đào Thị Thanh H2, sinh ngày 20/11/2006 và Đào Hồng Anh, sinh ngày 07/02/2014. Khi ly hôn chị Th và anh T đều xin nuôi cháu Đào Hồng Anh, chị Th yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, anh T không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng của cháu Đào Thị Thanh H2 đã lớn khi bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Xét thấy nguyên vọng xin được nuôi con của chị Th và anh T là hoàn toàn chính đáng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Th và anh T đều đề nghị nếu mỗi người nuôi một con chung thì không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con nên cần giao cháu H2 cho chị Th và cháu Anh cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm cản trở là phù hợp

- Về tài sản chung: chị Th và anh T thống nhất vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà 2 tầng, 01 quán bán hàng xây dựng trên diện tích đất 541m², Thửa đất số 217, tờ bản đồ số 01. Địa chỉ ở khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ và các tài sản trong gia đình gồm 01 Tivi Sony, 01 xe máy wave BKS 19N11-14682. Đã được Hội đồng định giá tiến hành thẩm định và định giá ngày 26 tháng 12 năm 2018 có tổng giá trị là 411.140.900đ (Bốn trăm mười một nghìn, một trăm bốn mươi nghìn, chín trăm đồng). Ngoài ra trên đất còn có một số cây: 02 cây bưởi diễn nhỏ, 01 cây hoa mộc và 01 chuồng lợn sập đã cũ các bên đương sự không yêu cầu định giá và thống nhất sau này ai lấy đất thì người đó sử dụng.

Khi ly hôn chị Th đề nghị anh T lấy toàn bộ số tài sản trên thì phải thanh toán cho chị số tiền 205.000.000đ (Hai trăm linh năm triệu đồng).

Đối với diện tích đất 541m², Thửa đất số 217, tờ bản đồ số 01. Địa chỉ ở khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, là tài sản do nhận cho tặng quyền sử dụng đất từ bố mẹ đẻ của anh T là ông Đào Nhất T2 và bà Trịnh Thị H đã được UBND huyện Tam Nông cấp giấy CNQSD đất sau khi anh T và chị Th kết hôn và đứng tên 02 vợ chồng. Do vậy đây là tài sản chung của hai vợ chồng. Đối với ngôi nhà 2 tầng và quán bán hàng tọa lạc trên diện tích đất trên là do công sức của hai vợ chồng anh chị tạo dựng.

Xét thấy anh T là con trưởng trong gia đình, bố mẹ anh T tuổi cao, sức yếu. Khi ly hôn xét thấy cần giao toàn bộ tài sản trên cho anh T được sở hữu và sử dụng. Anh T có trách nhiệm trả nợ chung và thanh toán trên lịch tài sản cho chị Th số tiền là 192.000.000đ là phù hợp.

- Về nợ chung:
 - + Vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).
 - + Vay ông Đào Nhất T2 và bà Trịnh Thị H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).
 - + Vay ông Trịnh Xuân T3 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)
 - Về công sức : Chị Th xác định không có nên không đặt ra giải quyết.
 - Về án phí ly hôn sơ thẩm : Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.
 - Về án phí chia tài sản : Chị Th và anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.
- Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 51, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Kim Th và anh Đào Đức T.
2. Về con chung:
 - Giao cho chị Vũ Kim Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên là Đào Thị Thanh H2, sinh ngày 20/11/2006.
 - Giao cho anh Đào Đức T trực trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên là Đào Hồng Anh, sinh ngày 07/02/2014.

Hai bên không phải đóng góp nuôi con chung cho nhau và được quyền gặp gỡ thăm nom con chung không ai được cản trở

3. Về tài sản chung:

Giao cho anh Đào Đức T được sở hữu và sử dụng số tài sản bao gồm: diện tích đất 541m² (trong đó có 150m² đất ở và 391m² đất trồng cây lâu năm khác), Thửa đất số 217, tờ bản đồ số 01. Địa chỉ ở khu 5, xã Quang Húc, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Giấy CNQSD số BQ908166 do UBND huyện Tam Nông cấp ngày 24/1/2014 đứng tên anh Đào Đức T và chị Vũ Kim Th. Theo biên bản đo hiện trạng ngày 26/12/2018 (Có sơ đồ kích thước thửa đất kèm theo) và 01 ngôi nhà 2 tầng, 01 quán bán hàng xây dựng trên thửa đất, 01 Tivi Sony, 01 xe máy wave BKS 19N11-14682. Tổng giá trị là 411.140.900đ (Bốn trăm mười một nghìn, một trăm bốn mươi nghìn, chín trăm đồng).

Anh Đào Đức T phải thanh toán trên tiền chênh lệch về tài sản cho chị Vũ Kim Th số tiền là 192.000.000 đ (Một trăm chín mươi hai triệu đồng)

4. Về nợ chung: Buộc anh Đào Đức T phải có nghĩa vụ trả cho:

+ Ngân hàng chính sách xã hội Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Mạnh Tiến – Phó giám đốc Phòng Giao dịch NHCSXH huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Tính đến ngày 15/12/2018

+ Ông Đào Nhất T2 và bà Trịnh Thị H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Ông Trịnh Xuân T3 số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật anh T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Về công sức: Chị Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Vũ Kim Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003520 ngày 12/12/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Án phí chia tài sản: anh Đào Đức T phải chịu 9.657.045 đ (Chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) tiền án phí chia tài sản, chị Vũ Kim Th phải chịu 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- VKS huyện

- THADS huyện

- Đ- ơng sự

- L- u HS-VP

Nguyễn Kim Ái